



liǎn shàng

脸上

noun phrase (location) · on the face

Example Sentence

Tā liǎn shàng lù chū le xiào róng

她脸上露出了笑容。

A smile appeared on her face.

Trace each character, then write the word on your own.

脸	脸	脸	脸	脸	脸	脸	脸	脸	脸	脸
脸	脸	脸								
上	上	上	上	上	上					